

SỞ KH&CN TỈNH THÁI NGUYÊN
TT PHÁT TRIỂN KH&CN

Số: 188/QĐ-TTKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của Trung tâm Phát triển KH&CN tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông báo số 4526/STC-HCSN ngày 14/11/2022 của Sở Tài chính thông báo điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Sở KH&CN;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2022 của Trung tâm Phát triển KH&CN tỉnh Thái Nguyên (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Hành chính - Thông tin - Ứng dụng và CGCN; Phụ trách kế toán và các phòng ban có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN;
- Các Phòng;
- Lưu VT, HPT



GIÁM ĐỐC

Trương Anh Tuấn



ĐƠN VỊ: TT PHÁT TRIỂN KH&CN
Chương: 417

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-TTKHCN ngày 21/11/2022
của Trung tâm Phát triển KH&CN tỉnh Thái Nguyên)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu dịch vụ	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi hoạt động dịch vụ	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	(100.000.000)
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	(100.000.000)
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
II	Nguồn vốn viện trợ	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0